

## CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NỢ CÔNG

Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về quản lý nợ chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị định số 94/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về nghiệp vụ quản lý nợ công;

Căn cứ Thông tư số 84/2018/TT-BTC ngày 13/9/2018 của Bộ Tài chính quy định mẫu biểu báo cáo và công bố thông tin về nợ công;

Thực hiện Công văn số 97/UBND-TH ngày 09/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo và công bố thông tin về nợ công theo Thông tư số 84/2018/TT-BTC.

Sở Tài chính căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương; phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2020; Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 về việc phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán chi ngân sách địa phương năm 2019 và các báo cáo của Chủ dự án, lập biểu công bố thông tin kế hoạch vay, trả nợ tỉnh Cao Bằng năm 2020 và tình hình thực hiện vay, trả nợ tỉnh Cao Bằng năm 2018 (Chi tiết theo biểu đính kèm). ✓

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo Sở;
- Lưu QLNS, VT.

**GIÁM ĐỐC**



**Hoàng Tố Quyên**

UBND TỈNH CAO BẰNG  
SỞ TÀI CHÍNH

**CÔNG BỐ THÔNG TIN KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ TỈNH CAO BẰNG NĂM 2020**

(Kèm theo Công văn số 2649/STC-QLNS ngày 31/12/2019 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dư nợ đầu năm (ngày 01/01)	Vay trong năm	Trả nợ trong năm			Dư cuối năm (ngày 31/12)
				Gốc	Lãi/phí	Tổng	
	<b>Tổng số</b>	<b>159.367</b>	<b>71.400</b>	<b>27.600</b>	<b>2.500</b>	<b>29.560</b>	<b>203.167</b>
<b>I</b>	<b>Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương</b>	-	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Tạm ứng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi</b>	-	-	-	-	-	-
<b>III</b>	<b>Vay các tổ chức tài chính, tín dụng</b>	<b>18.520</b>	-	<b>18.520</b>	-	<b>18.520</b>	<b>0</b>
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam	18.520	-	18.520	-	18.520	0
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	-	-	-	-	-	-
<b>IV</b>	<b>Vay lại nguồn vay nước ngoài</b>	<b>140.847</b>	<b>71.400</b>	<b>9.080</b>	<b>2.500</b>	<b>11.040</b>	<b>203.167</b>
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, vay vốn WB	24.806	12.060	1.150	600	1.750	35.716
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Cao Bằng, vay vốn WB	10.526	14.990	-	240	240	25.516
3	Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP), vay vốn WB	16.482	11.600	-	340	340	28.082
4	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ, vay vốn IFAD	10.000	23.840	-	430	-	33.840
5	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Cao Bằng, vay vốn WB	625,00	1.690	-	30	-	2.315
7	Dự án Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện tỉnh Cao Bằng, vay vốn ADF	2.222,00	7.220	-	80	-	9.442
6	Dự án năng lượng nông thôn II (REII)	76.186	-	7.930	780	8.710	68.256
<b>V</b>	<b>Vay các tổ chức khác</b>	-	-	-	-	-	-



**CÔNG BỐ THÔNG TIN TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VAY, TRẢ NỢ TỈNH CAO BẰNG NĂM 2018**

(Kèm theo Công văn số 2649/STC-QLNS ngày 31/12/2019 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dư nợ đầu năm (ngày 01/01)	Vay trong năm	Trả nợ trong năm			Dư cuối năm (ngày 31/12)	Ghi chú
				Gốc	Lãi/phí	Tổng		
	<b>Tổng số</b>	<b>399.520</b>	<b>18.011</b>	<b>277.230</b>	<b>1.463</b>	<b>278.693</b>	<b>140.301</b>	
I	Phát hành trái phiếu chính quyền địa phương	-	-	-	-	-	-	
II	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước tạm thời nhân rồi	-	-	-	-	-	-	
III	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	287.820	-	269.300	-	269.300	18.520	
1	Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam	287.820	-	269.300	-	269.300	18.520	
2	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	-	-	-	-	-	-	
IV	Vay lại nguồn vay nước ngoài	111.700	18.011	7.930	1.463	9.393	121.781	
1	Chương trình đô thị miền núi phía Bắc, vay vốn WB	18.170	6.688	-	466	466	24.858	Số tiền vay lại đã rút vốn là 823.683,08 USD
2	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả tỉnh Cao Bằng, vay vốn WB	625	2.694	-	25	25	3.319	Số tiền vay lại đã rút vốn là 27.863,23 USD
3	Dự án: Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP), vay vốn WB	859	7.846	-	39	39	8.705	Số tiền vay lại đã rút vốn là 38.300 USD
4	Dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ, vay vốn IFAD		783	-	-	-	783	Số tiền vay lại đã rút vốn là 34.500 USD
5	Dự án năng lượng nông thôn II (REII)	92.046	-	7.930	933	8.863	84.116	
V	Vay các tổ chức khác	-	-	-	-	-	-	

**Ghi chú:**

Đối với các dự án vay lại nguồn vay nước ngoài (trừ dự án năng lượng nông thôn II), UBND tỉnh vay lại Bộ Tài chính bằng USD. Số liệu tại biểu là số liệu đã được quy đổi từ USD thành VNĐ tại thời điểm UBND tỉnh nhận nợ với Bộ Tài chính.